

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

“Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Bà Lê Thị Thận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù
Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia
đình thụ lý số: 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2021, về việc “Ly
hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20
tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu H, TT. Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Hồ Minh T, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu T, TT. Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Minh T tự nguyện chung sống với nhau
và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào
ngày 27/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm
2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp
nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị và
anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân
anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,
mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được
ly hôn với anh Hồ Minh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị và anh T có 01 con
chung là Hồ Nguyễn Kiến V, sinh ngày 02/02/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện
vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến
khi thành niên. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác làm việc, không gửi ý kiến cho Tòa án để xem xét, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh T, nơi cư trú của anh Hồ Minh T tại khu T, TT. Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “Hôn nhân gia đình” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Hồ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Minh T tự nguyện chung sống với nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 27/3/2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Minh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập anh Hồ Minh T nhiều lần để làm việc, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoãn phiên tòa nhưng anh Hồ Minh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy anh Hồ Minh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D, bố ruột của anh Hồ Minh T là ông Hồ Minh H trình bày theo ông biết trong thời gian chung sống với nhau thì anh T và chị D do trong làm ăn kinh tế gia đình không thống nhất nên dẫn đến cãi nhau, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Minh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Nguyễn Thị Mỹ D thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Minh T có 01 con chung là Hồ Nguyễn Kiến V, sinh ngày 02/02/2017. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Tòa án đã triệu tập anh Hồ Minh T nhiều lần để làm việc, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con của anh Hồ Minh T nhưng anh Hồ Minh T không đến làm việc. Như vậy anh Hồ Minh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D, trong thời gian chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Minh T sống ly thân thì chị Nguyễn Thị Mỹ D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Do đó cần tiếp tục giao con chung là Hồ Nguyễn Kiến V cho chị Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Hồ Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D; Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Hồ Minh T.

[2] Về con chung: Giao con chung là Hồ Nguyễn Kiến V, sinh ngày 02/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Hồ Minh T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016326 ngày 07/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[7]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

